

Số 21/2019/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2019

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã**

**1. Khoản 1 Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng khác: Không thuộc đối tượng áp dụng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung) tại thời điểm đề nghị tham gia là thành viên.”

**2. Điều 44 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 44. Quyền hạn**

1. Được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân cung cấp thông tin, báo cáo phục vụ cho mục đích điều hòa vốn và giám sát an toàn hệ thống.

3. Kiểm tra, giám sát quỹ tín dụng nhân dân thành viên trong việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ vốn vay từ ngân hàng hợp tác xã.

4. Kiểm tra, giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân thành viên theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về đối tượng, nội dung, phạm vi, thời hạn kiểm tra, giám sát.”

### **3. Điều 46 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

#### **“Điều 46. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**

1. Đầu mối xử lý vướng mắc trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước thẩm định hồ sơ xin cấp Giấy phép ngân hàng hợp tác xã, có kiến nghị trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc cấp Giấy phép ngân hàng hợp tác xã.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện công tác thanh tra, giám sát hoạt động của ngân hàng hợp tác xã; tiếp nhận Quy chế điều hòa vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Thông tư này, yêu cầu ngân hàng hợp tác xã sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật nếu thấy cần thiết.

4. Đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng hợp tác xã kiểm tra, giám sát quỹ tín dụng nhân dân thành viên theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Thông tư này.

5. Cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị chức năng về hoạt động, việc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã.”

### **4. Điều 47 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

#### **“Điều 47. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:

a) Theo dõi, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để quản lý hoạt động của ngân hàng hợp tác xã trong phạm vi chức năng, quyền hạn;

b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép ngân hàng hợp tác xã.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc yêu cầu ngân hàng hợp tác xã thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Thông tư này.”

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân**

**1. Bổ sung khoản 1a vào Điều 2 như sau:**

“1a. Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.”

**2. Khoản 7 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“7. *Vốn góp bổ sung* là vốn góp thêm của thành viên (ngoài vốn góp xác lập tư cách thành viên) để quỹ tín dụng nhân dân thực hiện hoạt động kinh doanh.”

**3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 8. Địa bàn và quy mô hoạt động**

1. Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân là một xã, một phường hoặc một thị trấn (sau đây gọi chung là một xã).

2. Quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 20 lần vốn chủ sở hữu.”

**4. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Chấp thuận nguyên tắc việc thành lập:

a) Ban trụ bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16 Điều 11 Thông tư này và gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã Việt Nam về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác định đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến phản đối;

đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, ngân hàng hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trụ bị, trong đó nêu rõ lý do.”

**5. Điểm b khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.”

**6. Điểm a khoản 4 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; có đủ vốn điều lệ được gửi vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động, vốn điều lệ được chấm dứt phong tỏa khi quỹ tín dụng nhân dân đã khai trương hoạt động;”

**7. Khoản 2, khoản 3 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân gồm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên, Đại hội thành lập (đối với trường hợp thành lập quỹ tín dụng nhân dân) quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên, Đại hội thành lập quyết định nhưng không ít hơn 03 (ba) thành viên.

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên, Đại hội thành lập quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 năm và không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp, nhiệm kỳ tại thời điểm 01/01/2020 được tính là nhiệm kỳ đầu tiên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.”

**8. Khoản 2 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện, giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung;
- c) Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên;
- d) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên về công việc được giao;
- đ) Ký hoặc ủy quyền ký các văn bản của Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.”

**9. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 20. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:
  - a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị:
    - (i) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân;
    - (ii) Thường trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;
    - (iii) Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác;
    - (iv) Không thuộc những trường hợp quy định tại Điều 33, 34 Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);
    - (v) Không phải là người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối

với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 tháng liền kề trước thời điểm được bầu;

(vi) Có ít nhất 01 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(vii) Có bằng trung cấp về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân theo Chương trình đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước hoặc có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên.

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch hội đồng quản trị:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) Khoản này;

(ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên.

2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều này;

(ii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

(iii) Có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều này;

(ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 04 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng đại học trở lên.

3. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản 500 tỷ đồng trở lên:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều này;

(ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 04 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng đại học trở lên;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều này;

(ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng đại học trở lên.

4. Trong trường hợp cần thiết khi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại, xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động hoặc được đặt vào kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính chỉ định nhân sự giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân. Nhân sự được chỉ định đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây:

a) Có uy tín, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;

b) Có bằng đại học trở lên hoặc có bằng trung cấp trở lên đối với lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên trong bộ máy/tổ chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

c) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành từ 01 năm trở lên ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên trong bộ máy/tổ chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.”

#### **10. Khoản 1, khoản 4 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

“1. Đại hội thành viên, Đại hội thành lập quỹ tín dụng nhân dân (đối với trường hợp thành lập quỹ tín dụng nhân dân) bầu trực tiếp Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát và phải đảm bảo các quy định sau đây:

a) Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng trở lên phải có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác;

b) Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ trên 08 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng phải có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 01 thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác;

c) Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 08 tỷ đồng trở xuống: Đại hội thành viên được quyết định việc bầu Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b Khoản này hoặc chỉ bầu 01 kiểm soát viên chuyên trách;

d) Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.”

“4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trưởng Ban kiểm soát không giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp, nhiệm kỳ tại thời điểm 01/01/2020 được tính là nhiệm kỳ đầu tiên. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban kiểm soát. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.”

#### **11. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“ Điều 23. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát và kiểm soát viên chuyên trách**



1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Thông tư này:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 01 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng trung cấp về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân theo Chương trình đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước hoặc có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên.

2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng đại học trở lên.

3. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản 500 tỷ đồng trở lên:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ quỹ tín dụng nhân dân;

(iii) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iv) Có bằng đại học trở lên;

b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng Ban kiểm soát:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát quy định tại điểm a Khoản này trừ điểm a(i) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân.”

## **12. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

### **“Điều 24. Giám đốc**

1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:

a) Trường hợp bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Có ít nhất 01 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng cao đẳng về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc có bằng đại học trở lên;

(iv) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân.

b) Trường hợp Giám đốc là người đi thuê:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Có ít nhất 01 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng đại học trở lên;

(iv) Không phải là người thuộc bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát của thành viên là pháp nhân;

(v) Cư trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian đương nhiệm.

2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng:

a) Trường hợp bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(iv) khoản 1 Điều này;

(ii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng đại học trở lên.

b) Trường hợp Giám đốc là người đi thuê:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng đại học trở lên;

(iv) Không phải là người thuộc bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát của thành viên là pháp nhân;

(v) Cư trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian đương nhiệm.

3. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản 500 tỷ đồng trở lên:

a) Trường hợp bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(iv) khoản 1 Điều này;

(ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 04 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng đại học trở lên.

b) Trường hợp Giám đốc là người đi thuê:

(i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;

(ii) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 04 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

(iii) Có bằng đại học trở lên;

(iv) Không phải là người thuộc bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát của thành viên là pháp nhân;

(v) Cư trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong trường hợp cần thiết khi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại, xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động hoặc được đặt vào kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính chỉ định nhân sự giữ vị trí Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân. Nhân sự được chỉ định đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

a) Có uy tín, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;

b) Có bằng đại học trở lên hoặc có bằng trung cấp trở lên đối với lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên trong bộ máy/tổ chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

c) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành từ 01 năm trở lên ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương